

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 10 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hiền và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, Thông báo tạm dừng phiên tòa số 12/TB-TA ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Thông báo mở phiên tòa số 16/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị C, sinh năm 1984; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang Đ, sinh năm 1975; có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu tập thể Trung tâm y tế huyện L, Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2021, bản khai, lời khai của chị Trần Thị C; bản khai, lời khai của anh Lê Quang Đ thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, có con chung, tài sản chung nhưng đến khoảng năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Trần Thị C: Sau ngày cưới anh Đ đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, một năm về nhà được khoảng 02 lần. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ trong quá trình làm ăn có chơi bời dẫn đến nợ nần tiền bạc, thực tế đã có người gọi điện, nhắn tin đe dọa đòi nợ chị. Bản thân anh Đ không thừa nhận dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi chửi nhau, sau khi giải quyết xong nợ nần anh Đ hứa nhưng vẫn không thay đổi, chị góp ý thì anh Đ chửi và tát chị từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Khoảng năm 2014 anh Đ về Hà Nam làm, vợ chồng chung sống nhưng anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, một mình chị phải nuôi dạy con cái ăn học. Từ năm 2021 anh Đ thường xuyên đi qua đêm chơi cờ bạc, chị đã mời hai gia đình nội ngoại đến khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tuy sống cùng nhà nhưng giữa chị và anh Đ không còn quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang Đ.

Theo anh Lê Quang Đ: Năm 2007 trong thời gian anh làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh do mâu thuẫn nên anh bị đồng nghiệp chơi xấu, người này đã gọi điện về đòi tiền chị C chứ anh không nợ tiền ai, anh đã giải thích nhưng chị C không nghe. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế khó khăn, do dịch bệnh Covid-19 nên công ty anh làm ăn khó khăn, thu nhập của anh bị giảm sút dẫn đến chị C nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình. Do tính chất công việc của anh phải đi công trình, nhiều lần đi qua đêm nên anh có chơi bài nhưng chỉ là chơi vui chứ không phải chuyên nghiệp; anh cũng xác định có đánh lô đề nhưng chỉ chơi cho vui chứ không thường xuyên như người khác. Anh thừa nhận là không quan tâm đến gia đình vợ con, chưa làm tròn trách nhiệm của người bố, người chồng. Mâu thuẫn vợ chồng âm ỉ từ tháng 3/2021 đến nay, đã được 02 gia đình hòa giải nhưng chị C vẫn làm đơn ly hôn. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, có thể hàn gắn, nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Trường hợp chị C kiên quyết đòi ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ có 02 con chung là Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 26/7/2006 và cháu Lê Thị Mai L, sinh ngày 11/10/2011; hiện 02 cháu đang ở cùng vợ chồng tại khu tập thể Trung tâm y tế huyện L tại Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

Chị Trần Thị C có ý kiến: Trường hợp ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Quang Đ có ý kiến: Trường hợp chị C kiên quyết đòi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Mai L để chị C nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Trần Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Quang Đ; đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Lê Quang Đ đề nghị vợ chồng đoàn tụ, trường hợp ly hôn anh đồng ý giao cả hai con chung cho chị C nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ; về con chung đề nghị giao cháu Lê Thị Ngọc M và cháu Lê Thị Mai L cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị Trần Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế vợ chồng khó khăn, anh Đ không chịu khó làm ăn, có chơi lô, đề cò bạc; không quan tâm và chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng âm ỉ, kéo dài từ năm 2007 đến nay, chị C đã 06 lần làm đơn ly hôn với anh Đ, gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Đ vẫn không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Đ không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị C vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã thực sự tan vỡ, nhiều lần chị C đã làm đơn xin ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ có 02 con chung là Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 26/7/2006 và cháu Lê Thị Mai L, sinh ngày 11/10/2011; hiện 02 cháu đang ở cùng vợ chồng tại khu tập thể Trung tâm y tế huyện L tại Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh H.

Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị C và anh Đ thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày và xuất trình bảng lương thể hiện chị đang làm y sỹ tại khoa y học cổ truyền - Trung tâm y tế huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, công việc ổn định với thu nhập bình quân hơn 6.000.000 đồng/tháng; nếu sau khi ly hôn và được nuôi con chị vẫn ở tại khu tập thể của Trung tâm y tế huyện Lý Nhân, chỗ ở đảm bảo thuận tiện cho việc chị đi làm và các con đi học. Đối với anh Lê Quang Đ trình bày hiện anh đang làm việc tại công ty xây dựng Vina 68 tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên do dịch bệnh covid nên thu nhập không ổn định, anh Đ cũng không xuất trình tài liệu gì để chứng minh công việc và thu nhập của mình, nếu được nuôi cháu Lê Thị Mai L anh Đ sẽ đưa cháu về quê tại tỉnh Thanh Hoá ở cùng ông bà nội sinh sống; cháu Lê Thị Ngọc M và cháu Lê Thị Mai L đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Sau khi xem xét nguyện vọng của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy từ nhiều năm nay anh Đ đi làm xa nhà việc nuôi dưỡng con chung đều do chị C chăm sóc, các cháu có cuộc sống ổn định, bản thân anh Đ cũng thừa nhận kinh tế khó khăn, không có thời gian và không quan tâm trách nhiệm với gia đình; chị C có điều kiện tốt hơn anh Đ về mọi mặt, đồng thời để đảm bảo cuộc sống, ổn định việc ăn học của con chung, tại phiên toà anh Đ cũng đồng ý giao cả hai con chung cho chị C nuôi dưỡng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy nên giao cả hai con chung cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án sơ thẩm: Chị Trần Thị C phải chịu phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Lê Quang Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Lê Thị Ngọc M, sinh ngày 26/7/2006 và cháu Lê Thị Mai L, sinh ngày 11/10/2011. Anh Lê Quang Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được đối trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2015/0003721 ngày 03/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Chân Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy